

TÔN GIÁO Ở NƯỚC NGOÀI

ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG VÀ KHÁC BIỆT TRONG SỰ TRUYỀN BÁ CÔNG GIÁO VÀO VIỆT NAM VÀ PHILIPPIN

MAI THỊ HANH^{*}

Năm 1521, các nhà truyền giáo Công giáo đầu tiên đến quần đảo Philippin. Chậm hơn một chút, năm 1533, tại xã Ninh Cường, huyện Quần Anh, Nam Định ngày nay các giáo sĩ nước ngoài đã bắt đầu công việc truyền đạo trên giải đất hình chữ S - Việt Nam. Trong suốt các thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX, các giáo sĩ ở cả Việt Nam và Philippin đã hết sức nỗ lực, vận dụng mọi cơ hội cũng như khắc phục mọi khó khăn để truyền bá Kitô giáo đến với cư dân bản địa. Kết quả là, đến thế kỉ XIX, công cuộc Công giáo hoá Philippin của các giáo sĩ Tây Ban Nha về cơ bản đã hoàn thành. Hầu hết các cư dân ở quần đảo này là tín đồ Công giáo, trừ một bộ phận nhỏ theo Hồi giáo ở các đảo phía Nam. Còn ở Việt Nam, đến mãi năm 1960, quá trình truyền giáo mới kết thúc.

Quá trình truyền bá Công giáo vào Việt Nam và Philippin là một vấn đề đã được nghiên cứu nhiều, viết nhiều trên sách báo, tạp chí. Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy có một vấn đề còn bỏ ngỏ, chưa được đề cập đến đó là: đặt Việt Nam và Philippin trong mối quan hệ so sánh để thấy được điểm tương đồng và khác biệt trong qua trình truyền giáo diễn ra ở hai quốc gia.

1. Những điểm tương đồng

a. Về bối cảnh truyền giáo

Từ thế kỉ thứ XVI đến thế kỉ XIX, Giáo hội La Mã đã tiến hành giai đoạn hai của việc truyền giáo sang Phương Đông (giai đoạn một diễn ra từ thế kỉ X nhưng thất bại). Giáo hội đã tích cực trong việc ủng hộ thành lập các dòng tu đi rao giảng Tin Mừng (như dòng Tên năm 1534, dòng Fransisco thế kỉ XVIII, v.v...) Đây cũng là giai đoạn mà truyền giáo ở Phương Đông đạt được những thành tựu to lớn, nhưng cũng là giai đoạn mà truyền giáo đã mang nhiều yếu tố trần tục. Truyền giáo kết hợp với chủ nghĩa thực dân và một nỗ lực chung là xâm chiếm và Công giáo hoá các dân tộc bản xứ. Công cuộc truyền giảng Phúc âm ở Việt Nam và Philippin diễn ra trong bối cảnh lịch sử đó tất nhiên không thể nằm ngoài sự tác động của mối quan hệ giữa truyền giáo và xâm lược. Có thể nói Việt Nam và Philippin là những nước ở Châu Á chịu tác động lớn nhất, nặng nề nhất của mối quan hệ trần tục ấy. Và chính cùng chịu sự tác động của mối quan hệ truyền giáo và thực dân

*. Khoa Việt Nam học, Đại học Sư phạm Hà Nội.

mà giữa Việt Nam và Philippin lại có hàng loạt các điểm tương đồng khác như cả hai nước đều là thuộc địa của thực dân trong thời gian dài, cùng chịu những hậu quả nặng nề về văn hoá xã hội (như sự xung đột giữa *lương* và *giáo* ở Việt Nam hay sự xung đột kéo dài và quyết liệt giữa Công giáo và Islam giáo Philippin, v.v...)

b. Về biện pháp truyền giáo

Cải đạo dân tộc bản xứ là cả một vấn đề khó khăn, phức tạp, nhất là với các dân tộc mà ở đó truyền thống văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng được hình thành từ lâu đời. Lí do là vì khi xâm nhập vào các quốc gia, đặc biệt là quốc gia Phương Đông, Công giáo, với những luật lệ trái ngược, thường không lấy được cảm tình của dân bản xứ, thậm chí còn gây xung đột với văn hoá bản địa và gặp phải sự cấm đoán của chính quyền. Làm thế nào để vượt qua khó khăn này? Làm thế nào để đưa cư dân ở những miền đất xa xôi đến với ánh sáng của Chúa, mở rộng nước Chúa? Đó là những câu hỏi lớn đối với giáo sĩ ngoại quốc. Các giáo sĩ ở Việt Nam và Philippin đã rất thận trọng, khéo léo tận dụng mọi kẽ hở, mọi biện pháp (lúc cứng rắn, lúc mềm dẻo, ôn hoà) để truyền đạo. Một trong những phương thức phổ biến nhất mà họ tận dụng ở hai quốc gia này là sử dụng nguồn tài trợ vật chất của quốc gia cử họ đến để mua chuộc dân bản xứ, chủ yếu là dân nghèo theo đạo, gây cho họ hi vọng là số phận của họ sẽ được cải thiện một khi đi theo tôn giáo của một quốc gia giàu mạnh ở Phương Tây. Đồng thời, các giáo sĩ dùng lễ vật hậu lấy lòng vua chúa bản xứ để được tự do truyền đạo, thậm chí tìm cách cải giáo các vua chúa với hi vọng các vua chúa ấy sau khi cải giáo sẽ đưa Công giáo lên địa vị độc tôn.

Nếu ở Việt Nam, các giáo sĩ đã lấy lòng được các chúa như Sãi Vương, Trịnh Tráng, thì ở Philippin họ lại được chào đón bởi người cầm quyền khu vực Cebu là Raja Humabon ngay khi họ đến đây vào tháng 3 năm 1521. Một điều khác nữa là ở Philippin, những người lãnh đạo địa phương theo Công giáo còn được tập hợp và gọi chung là các Principales. Họ trở thành những nhân vật quan trọng của cơ quan quản lí hành chính Tây Ban Nha, giúp dẫn dắt những người theo họ tuân thủ quyền lực của nhà thờ và nhà vua Tây Ban Nha. Chính những người dân đã thừa nhận rằng: “Nếu tất cả những già làng của họ đều theo Cơ Đốc giáo thì làm sao họ có thể khác được”⁽¹⁾. Các nhà truyền giáo Tây Ban Nha còn phát hiện ra rằng cách hiệu quả nhất để dụ người dân theo Công giáo là dạy những tư tưởng của tôn giáo này cho con cái của họ, trong đó cần đặc biệt chú trọng đến con trai của các thủ lĩnh địa phương.

Bên cạnh phương pháp trên, để truyền đạo có hiệu quả các nhà truyền giáo ở Việt Nam và Philippin đều rất coi trọng việc học ngôn ngữ địa phương và giảng đạo trực tiếp cho người dân. Linh mục Alexan de Rhodes đã sáng tạo ra chữ viết cho người Việt Nam theo mẫu tự La tinh, được gọi là chữ quốc ngữ. Điều này giúp các nhà truyền giáo có thể học tiếng Việt nhanh hơn mặc dù tài liệu cung cấp cho các tín đồ vẫn được viết bằng tiếng Trung Quốc hay chữ Nôm. Còn ở Philippin, một linh mục dòng Augustine đã phải thán phục trước việc làm của các giáo sĩ ở đây: “Tôi được biết nhiều vị cha phó cần cù trong các ngày Chủ nhật và ngày nghỉ đã truyền giáo một cách đáng khâm phục,

1. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á. *Lịch sử Đông Nam Á từ 1500 – 1800* (tài liệu dịch), 2005.

rất rõ ràng và trôi chảy nhờ có tài năng của họ về tiếng địa phương. Họ đã sử dụng ngôn ngữ này trong việc dạy dỗ dân bản xứ, để có thể giám sát các dân trong giáo khu mỗi khi họ dự lễ ban phước"⁽²⁾. Việc truyền giảng đạo Công giáo bằng tiếng địa phương sẽ giúp cư dân tiếp thu tôn giáo này một cách dễ dàng hơn. Đặc biệt là ở Philippin, người ta đã diễn tấu những đoạn thơ trong *Kinh Thánh* và hát nó bằng những giai điệu của địa phương.

Ngoài ra, sự nhượng bộ ở mức độ nhất định của các nhà truyền bá Công giáo ới với văn hoá bản địa cũng là một trong cách thức để lôi kéo được thêm nhiều người theo đạo. Chẳng hạn, các giáo sĩ dòng Tên (Bồ Đào Nha) ở Việt Nam cho phép các tín đồ của mình vẫn được thờ cúng tổ tiên. Tất nhiên, chủ trương trên của giáo sĩ dòng Tên này bị Toà thánh La Mã phản đối và dòng này bị trục xuất khỏi Việt Nam. Còn ở Philippin, các nhà sử học cho rằng không phải cư dân ở đây chấp nhận Công giáo hoàn toàn mà họ chấp nhận có chọn lọc. "Họ lợi dụng mọi cơ hội để có thể sống với nền đạo đức của xã hội trước thời kì Tây Ban Nha chiếm đóng... Họ đã tạo nên một sự tổng hợp có hiệu lực giữa Cơ Đốc giáo Tây Ban Nha và những tín ngưỡng dân gian của họ"⁽³⁾.

c. Về phương diện tiếp nhận đạo Công giáo

Mặc dù có sự khác nhau về kết cấu dân tộc và quá trình hình thành quốc gia, Việt Nam và Philippin là hai xã hội mà nhìn chung đều rất cởi mở trong việc tiếp nhận tôn giáo mới. Tất nhiên, mức độ cởi mở cả ở hai nước có sự khác nhau. Việc tiếp nhận đạo Công giáo ở Việt Nam có khó khăn hơn so với Philippin, song nói cho cùng, Việt Nam vẫn là một đất nước khoan dung và mềm dẻo về tôn giáo.

Chính sự cởi mở và khoan dung tôn giáo đó đã giải thích vì sao trong giai đoạn đầu truyền bá vào nước ta, Công giáo được các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là tầng lớp dưới lại được đón nhận đông đảo. Còn Philippin là một đất nước rất cởi mở và dễ dàng tiếp nhận Công giáo. Người ta ví Philippin thời kì bấy giờ như tờ giấy trắng mà ai muốn vẽ gì lên đó thì vẽ. Tây Ban Nha đã vẽ lên "tờ giấy đó" một dân tộc hoàn toàn Công giáo hoá. Ngày nay, trong đời sống tôn giáo thế giới xuất hiện các hiện tượng "đậm đạo", "nhật đạo" chúng ta vẫn có thể khẳng định rằng tín đồ Công giáo Philippin vẫn là những người hết sức là mộ đạo. "Không bao giờ họ có ý định từ bỏ Đức Chúa Jesu vì họ đã làm lễ rửa tội... và sẵn sàng hi sinh sự sống của mình để bảo vệ đạo và với sự giúp đỡ của Chúa, họ là con chiên ngoan đạo cho đến cuối đời"⁽⁴⁾.

2. Những điểm khác biệt

a. Về bối cảnh trong nước khi đạo Công giáo được truyền bá

Khi đạo Công giáo được truyền bá vào Việt Nam và Philippin, bối cảnh trong nước của hai nước này hoàn toàn khác nhau. Nếu như Philippin đang ở trình độ phát triển thấp về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, tôn giáo và chưa bao giờ trở thành một quốc gia phong kiến tập quyền thì Việt Nam lại ở trình độ phát triển cao hơn nhiều. Việt Nam đã trải qua giai đoạn phát triển cực thịnh của chế độ phong kiến với nhà nước quân chủ phong kiến trung ương tập quyền hoàn thiện, với thể chế kinh tế, văn hoá đã được định

2. Corpuz Onofred. *Philippines*, Ban Đông Nam Á, Trung tâm KHXH, 1979.

3. Corpuz Onofred. Sdd.

4. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á. *Lịch sử Đông Nam Á từ 1500 - 1800*. Sdd.

hình. Khổng giáo, Phật giáo đã ăn sâu, bám rễ trong đời sống tinh thần của người dân. Riêng Khổng giáo và những tư tưởng của nó đã trở thành nền tảng của nhà nước phong kiến. Sự khác nhau về bối cảnh trong nước khi đạo Công giáo du nhập vào là chìa khoá vô cùng quan trọng để ta có thể giải thích hàng loạt những sự khác nhau trong lịch sử truyền giáo ở Việt Nam. Tại sao phương thức truyền giáo ở hai nước có những nét khác nhau? Tại sao kết quả truyền giáo ở Philippin lại cao hơn so với Việt Nam?

b. Về thời gian truyền đạo

Trong những ghi chép lịch sử, các nhà truyền giáo đến Việt Nam vào năm 1533 và đến Philippin vào năm 1521. Như vậy hoạt động truyền giáo ở Philippin diễn ra sớm hơn ở Việt Nam 11 năm. So với chiều dài lịch sử, 11 năm không phải là lớn, song có điều đáng chú ý ở đây là từ sau khi các nhà truyền giáo đến Việt Nam (1533) cho đến thế kỉ XVI và một vài thập kỉ đầu thế kỉ XVII trước khi Alexan de Rhodes xuất hiện thì hoạt động truyền giáo ở Việt Nam mới chỉ dừng lại ở mức độ thăm dò, thử nghiệm và chưa đạt được kết quả gì đáng kể. Phải từ sau thế kỉ XVII, đặc biệt là từ khi Hội truyền giáo đối ngoại Pháp ra đời, thì hoạt động truyền giáo ở Việt Nam mới phát triển mạnh mẽ. Trong khi đó, ở Philippin đến hết thế kỉ XVI, hoạt động truyền giáo đã đạt được bước tiến vượt bậc. Manila trở thành Toà Giám mục rồi Toà Tổng Giám mục năm 1595. Đến hết thế kỉ XVIII thì hoạt động truyền giáo ở quần đảo này về cơ bản đã hoàn thành, trừ một số đảo theo Islam giáo ở phía Nam. Như vậy, rõ ràng thời gian Công giáo bắt đầu truyền bá vào hai nước cách nhau không hiểu nhưng thời gian tôn giáo này ăn sâu, bám

rễ và phát triển ở hai nước lại cách nhau khá xa. Hoạt động truyền giáo ở Philippin sớm phát triển và nhanh đạt được thành công hơn so với ở Việt Nam.

c. Về chủ đề truyền giáo

Mặc dù cùng nằm trong khu vực Đông Nam Á và thời gian Công giáo bắt đầu được truyền bá vào Việt Nam và Philippin gần như tương đương nhau, song chủ thể truyền giáo vào hai nước này có rất nhiều điểm khác biệt. Cùng với Goa và Áo Môn, Manila là một trong những trung tâm truyền giáo lớn nhất Châu Á. Chính vì vậy, Philippin là nơi chứng kiến sự hoạt động của rất nhiều dòng tu thuộc nhiều khác như dòng Augustine, dòng Tên của Bồ Đào Nha, dòng Dominican của Tây Ban Nha, dòng Recolect, v.v... Nếu như Goa và Áo Môn là hai trung tâm truyền giáo quan trọng nhất của Bồ Đào Nha tại Châu Á thì Manila lại là trung tâm truyền giáo lớn nhất Tây Ban Nha tại lục địa này. Mặc dù ở Philippin có nhiều dòng tu của nhiều nước hoạt động song các dòng tu của Tây Ban Nha (trong đó chủ yếu là dòng Dominican) có vai trò quan trọng nhất trong việc cải đạo cho nhân dân Philippin. Trong suốt chiều dài lịch sử truyền giáo ở Philippin, dấu ấn của các dòng tu Tây Ban Nha là đậm nét nhất.

Nếu như ở Philippin, nét chủ đạo từ đầu đến cuối trong lịch sử truyền giáo là giáo sĩ và thực dân Tây Ban Nha thì ở Việt Nam lại có điểm khác biệt. Có thể nói, trong giai đoạn đầu, chủ thể truyền giáo ở Việt Nam rất phong phú, trong đó đặc biệt phải kể đến các dòng tu của Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha. Đây là những dòng đã đặt nền móng đầu tiên cho sự nghiệp truyền giáo ở Việt Nam trong các thế kỉ XVI - XVII.

Nhưng từ sau khi Hội Thừa sai Pari thành lập, đặc biệt từ thế kỉ XVIII, thì vai trò truyền giáo đã chuyển hẳn sang tay người Pháp. Nói như thế không có nghĩa là lúc này chỉ có độc một mình Hội Thừa sai truyền giáo ở Việt Nam mà trong khi Hội Thừa sai đóng vai trò chủ đạo trong truyền giáo thì vẫn có các dòng tu của các nước khác hoạt động ở đây.

d. Về phương thức truyền giáo

Khi Công giáo được truyền bá vào Việt Nam và Philippin, hai nước này đang ở trong điều kiện kinh tế - chính trị - văn hoá - xã hội khác nhau. Chính sự khác nhau này lại đưa đến sự khác nhau trong phương thức truyền giảng đức tin của các nhà truyền đạo ở hai nước. ứng với mỗi một hoàn cảnh các nhà truyền giáo lại phải đưa ra một phương pháp khác nhau để làm sao đạt được hiệu quả hữu hiệu nhất, càng cải đạo được cho nhiều người càng tốt. Đối với Philippin khi Công giáo được truyền bá vào, quần đảo này đang ở trình độ phát triển thấp nhất về kinh tế, chính trị, văn hoá. Các yếu tố quốc gia dân tộc mới hình thành, chưa vững bền, dân cư phần lớn còn theo tôn giáo nguyên thủy. Do đó, phương thức truyền đạo của Tây Ban Nha chủ yếu theo xu hướng cải đạo và đồng hoá toàn bộ dân tộc đó. Lúc này, ở Philippin cũng chưa có một chính quyền trung ương tập quyền thống nhất toàn bộ quần đảo, cũng như cũng chưa có một tôn giáo chủ lưu làm nền tảng tư tưởng, chính trị - đạo đức cho xã hội nên Công giáo không vấp phải sự kháng cự quyết liệt từ chính quyền đại diện cho nhân dân để bảo vệ nền tảng của xã hội và văn hoá của dân tộc. Mục đích của Tây Ban Nha là xoá sạch các yếu tố của văn hoá bản địa và làm lại từ đầu bằng cách thay thế vào đó là các yếu tố của văn hoá

Tây Ban Nha. Để làm tốt điều đó, truyền giáo ở Philippin đã áp dụng những biện pháp có phần cưỡng bức và ép buộc hơn so với Việt Nam. Các tín ngưỡng bản địa cũng bị Tây Ban Nha tìm cách xoá bỏ để thay vào đó là Công giáo. Kết quả là, biện pháp cải đạo và đồng hoá toàn bộ Philippin của các giáo sĩ Tây Ban Nha đã thành công. Tuy nhiên, cho dù Philippin đã bị đồng hoá, cho dù các yếu tố Công giáo đã có ảnh hưởng sâu rộng ở đây thì chúng ta cũng không thể nói rằng các yếu tố văn hoá bản địa bị xoá sạch. Bởi các yếu tố văn hoá tín ngưỡng là những cái khó gột bỏ nhất khỏi đầu óc con người. Chẳng thế mà có không ít những tín đồ Công giáo mặc dù "vẫn tới nhà thờ dự lễ cầu nguyện vị Chúa của những người thống trị nhưng khi ở ngoài đồng ruộng và ở các con suối, khi đi qua những cây cao, họ tiếp tục chấp nhận sự bảo vệ của tổ tiên"⁽⁵⁾.

Nếu như ở Philippin, các nhà truyền giáo áp dụng biện pháp cải đạo và đồng hoá toàn bộ dân tộc thì ở Việt Nam, một đất nước có hoàn cảnh hoàn toàn khác, họ thể áp dụng điều này. Nếu đưa Công giáo vào một cách ồ ạt, chắc chắn các nhà truyền giáo sẽ vấp phải sự kháng cự quyết liệt từ phía chính quyền trung ương và từ phía quần chúng. Do vậy, để đảm bảo cho sự thành công, các nhà truyền giáo ở Việt Nam đã phải khéo léo đưa tôn giáo này vào từng bước và cải đạo từng bộ phận, trước hết là tầng lớp dưới của xã hội. Tuy nhiên, có một tầng lớp mà các nhà truyền giáo ở Việt Nam chưa và không bao giờ có thể cải đạo được họ đó là tầng lớp Văn thân. Họ là tầng lớp có tri thức thấm nhuần tư tưởng Nho giáo, họ kiên quyết chống lại Công giáo. Như vậy, không phải với bất kì một tầng lớp nào ở

Việt Nam, các nhà truyền giáo cũng cải đạo được họ mà chỉ có thể áp dụng phương thức cải đạo từng bộ phận. Đây chính là điểm khác biệt lớn nhất về biện pháp truyền giáo ở Việt Nam so với biện pháp truyền giáo ở Philippin.

Chính sự khác nhau về hoàn cảnh đất nước khi Công giáo truyền bá vào cũng như biện pháp truyền giáo lại đưa đến sự khác nhau trong kết quả truyền giáo ở Việt Nam và Philippin. Nếu như truyền giáo ở Philippin thắng lợi một cách tuyệt đối thì truyền giáo ở Việt Nam chỉ thắng lợi một cách tương đối. Và nếu như hiếm có một dân tộc nào trên thế giới có tỉ lệ dân số theo Công giáo đông như Philippin (trừ Braxin) thì ở Việt Nam tỉ lệ này vẫn là khiêm tốn so với tổng số dân cư.

Như vậy, mặc dù có vài nét tương đồng về bối cảnh thế giới về phương thức truyền đạo, song hoạt động truyền giáo ở Việt Nam và Philippin cơ bản khác xa nhau. Với rất nhiều thuận lợi, các giáo sĩ Tây Ban Nha đã biến Philippin trở thành một nước Công giáo với đời sống văn hoá, tôn giáo rất Phương Tây. Trong khi đó ở Việt Nam, các giáo sĩ thừa sai đã vất vả để vượt qua những cản trở của chính quyền phong kiến nên số lượng giáo dân cũng chưa bao giờ vượt quá 10% dân số.

Hiện nay, theo số liệu chính thức của UBĐKCGVN thì ở Việt Nam có khoảng "6 triệu Kitô hữu với một giáo hội gồm 35 giám mục, cai quản 25 giáo phận (nay có thêm giáo phận Bà Rịa - Vũng Tàu), 2000 linh mục, 5000 tu sĩ, có 6 đại học chủng viện, có Hội đồng giám mục Việt Nam. Họ được quyền cử đại diện đi họp với Vatican và nước ngoài để sự các Đại hội quốc tế của các dòng tu và đi chữa bệnh. Về hệ thống nhà nước, có Ban tôn giáo chính phủ và các cấp cùng với UBĐKCG Việt

Nam ở các tỉnh thành và đặc khu"⁽⁶⁾. Trong khi đó, "tính thời điểm 31 - 12 - 1998, ở Philippin có 16 tổng giáo phận, 50 giáo phận, 6 hạt phủ doãn, 7 đại diện tông toà, 1 hạt đại diện quân đội, 1 hồng y, 16 tổng giám mục, 94 giám mục, 2703 giáo xứ, 7112 linh mục (gồm 4740 linh mục triều, 2372 linh mục dòng), 111 phó tế vĩnh viễn, 7781 chủng sinh, 1167 nam tu sĩ, 10, 369 nữ tu sĩ, 84.019 giáo lý viên, số người theo Công giáo là 61.814000 trong tổng số dân 75.150.000"⁽⁷⁾. Những tín đồ Công giáo ở Philippin nói chung vẫn tự nhận mình là người sùng đạo. Họ tin vào Chúa, vào Kinh Thánh, tin vào quyền năng và đạo đức tôn giáo, tin vào cuộc sống nhưng cũng tin vào những thế lực siêu nhiên. Niềm tin này tồn tại một cách bền vững.

Nếp sống đạo ở Manila cũng có nhiều nét tương đồng với Việt Nam, nhất là so với các xứ đạo Miền Bắc. Tuy nhiên, trong đời sống đạo của cư dân Philippin, chúng ta thấy có nhiều điểm mà không thể tìm thấy ở Việt Nam. Chúa trong con mắt của người Philippin rất gần gũi với cuộc sống thường ngày của họ. Một đặc trưng trong sự sùng đạo của tín đồ Công giáo ở Philippin là mặc dù có yếu tố mê tín nhưng điều quan trọng hơn cả là họ tin rằng con người tự làm nên số phận của mình và cuộc sống chỉ có ý nghĩa khi người ta làm cho nó có ý nghĩa. Niềm tin này đi kèm với niềm tin rằng Chúa tồn tại, niềm tin chính thống vào Kinh Thánh và niềm tin vào các khái niệm tôn giáo./.

6. Đỗ Quang Hưng. *Một số vấn đề lịch sử Thiên Chúa giáo ở Việt Nam*, Tủ sách trường ĐHTH Hà Nội, 1990.

7. Nguyễn Hồng Vân. *Niềm tin và thực hành tôn giáo của tín đồ Công giáo ở Philippin*, Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo, số 2, 2005.